



**Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**

Báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**  
**Thông tin về Công ty**

**Các văn bản thành lập**

Quyết định số 1669/2003/QĐ/BTM ngày 3 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Thương mại (nay là Bộ Công thương) về việc chuyển đổi Công ty Gas thuộc Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam sang hình thức công ty cổ phần và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp.

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0101447725 cấp lần đầu ngày 14 tháng 1 năm 2004 và thay đổi lần thứ 15 ngày 22 tháng 2 năm 2016.

**Hội đồng Quản trị**

Ông Trịnh Quang Vinh	Chủ tịch
Ông Vũ Hồng Khánh	Ủy viên
Ông Nguyễn Quang Dũng	Ủy viên
Ông Nguyễn Văn Lãng	Ủy viên
Bà Nguyễn Thanh Huyền	Ủy viên

**Ban Tổng Giám đốc**

Ông Vũ Hồng Khánh	Tổng Giám đốc
Ông Phạm Thanh Sơn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Khắc Trí	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hữu Quang	Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 1/2/2016)

**Trụ sở đăng ký**

Tầng 20, Tòa nhà Mipec Tower  
Số 229 Tây Sơn, Quận Đống Đa  
Hà Nội, Việt Nam

**Công ty kiểm toán**

Công ty TNHH KPMG  
Việt Nam

## **Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP** **Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP (“Tổng Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng đính kèm của Tổng Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty:

- (a) báo cáo tài chính riêng được trình bày từ trang 5 đến trang 39 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Tổng Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cho rằng Tổng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng đính kèm.



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Vũ Hồng Khánh  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 15 tháng 3 năm 2017



KPMG Limited  
46<sup>th</sup> Floor, Keangnam Landmark 72  
E6 Pham Hung Road, Me Tri Ward  
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam  
+84-4 3946 1600 | kpmg.com.vn

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Các Cổ đông  
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng đính kèm của Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP (“Tổng Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty phê duyệt phát hành ngày 15 tháng 3 năm 2017, được trình bày từ trang 5 đến trang 39.

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



### **Ý kiến của kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất trong năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### **Vấn đề cần nhấn mạnh – số liệu so sánh**

Chúng tôi không đưa ra ý kiến ngoại trừ nhưng lưu ý người đọc tới Thuyết minh 36 của báo cáo tài chính riêng đề cập đến việc số liệu so sánh tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được điều chỉnh lại theo kết quả kiểm toán của Kiểm toán Nhà nước.

### **Vấn đề khác – số liệu so sánh**

Số liệu so sánh trên bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 1 tháng 1 năm 2016, không bao gồm các điều chỉnh được trình bày tại Thuyết minh 36 của báo cáo tài chính riêng, được căn cứ trên báo cáo tài chính riêng của Tổng công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 và báo cáo tài chính đó đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác. Công ty kiểm toán này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính riêng đó trong báo cáo kiểm toán ngày 16 tháng 3 năm 2016. Những điều chỉnh đối với số liệu so sánh được trình bày tại Thuyết minh 36 của báo cáo tài chính riêng được thực hiện theo báo cáo kiểm toán ngày 26 tháng 9 năm 2016 của Kiểm toán Nhà nước.

**Công ty TNHH KPMG**

Việt Nam

Báo cáo Kiểm toán số: 16-02-174-KT-R



Đàm Xuân Lâm

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề

kiểm toán số: 0861-2013-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 15 tháng 3 năm 2017

Trương Tuyết Mai

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề

kiểm toán số: 2594-2014-007-1

**Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**  
**Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2016**

**Mẫu B 01 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2016 VND</b>	<b>1/1/2016 VND Đã điều chỉnh lại</b>
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)</b>	<b>100</b>		<b>1.124.907.417.188</b>	<b>810.603.589.237</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>53.195.103.069</b>	<b>42.506.043.552</b>
Tiền	111		53.195.103.069	42.506.043.552
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>702.610.000.000</b>	<b>412.610.000.000</b>
Chứng khoán kinh doanh	121	5(a)	2.610.000.000	2.610.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5(b)	700.000.000.000	410.000.000.000
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>291.912.219.496</b>	<b>260.682.290.830</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	180.189.657.120	181.290.960.750
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		6.335.980.955	8.095.078.772
Phải thu ngắn hạn khác	136	7	105.623.142.353	72.862.410.409
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	8	(236.560.932)	(1.566.159.101)
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>9</b>	<b>65.308.785.278</b>	<b>86.002.321.134</b>
Hàng tồn kho	141		67.411.685.577	90.971.896.714
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(2.102.900.299)	(4.969.575.580)
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>11.881.309.345</b>	<b>8.802.933.721</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		95.462.038	24.129.589
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		10.347.616.744	8.778.804.132
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	16(b)	1.438.230.563	-

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này*

**Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**

**Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01 – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2016 VND</b>	<b>1/1/2016 VND Đã điều chỉnh lại</b>
<b>Tài sản dài hạn (200 = 220 + 230 + 240 + 250 + 260)</b>	<b>200</b>		<b>618.080.812.560</b>	<b>1.005.139.834.303</b>
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>290.641.069.786</b>	<b>272.904.473.798</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	10	280.919.090.831	265.784.935.460
Nguyên giá	222		482.872.992.960	430.282.647.958
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(201.953.902.129)	(164.497.712.498)
Tài sản cố định vô hình	227	11	9.721.978.955	7.119.538.338
Nguyên giá	228		21.095.219.106	17.507.023.106
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(11.373.240.151)	(10.387.484.768)
<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>12</b>	<b>7.556.477.873</b>	<b>7.739.071.205</b>
Nguyên giá	231		9.043.165.265	9.043.165.265
Giá trị hao mòn lũy kế	232		(1.486.687.392)	(1.304.094.060)
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>5.453.725.610</b>	<b>19.617.319.537</b>
Xây dựng cơ bản dở dang	242	13	5.453.725.610	19.617.319.537
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>186.487.708.826</b>	<b>583.487.708.826</b>
Đầu tư vào công ty con	251	5(c)	186.487.708.826	186.487.708.826
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	5(b)	-	397.000.000.000
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>127.941.830.465</b>	<b>121.391.260.937</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	14	127.521.250.405	120.969.038.404
Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		420.580.060	422.222.533
<b>TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>1.742.988.229.748</b>	<b>1.815.743.423.540</b>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

**Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**

**Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01 – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND Đã điều chỉnh lại
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>1.027.606.382.406</b>	<b>1.184.046.950.795</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>1.002.238.464.400</b>	<b>1.164.576.588.227</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	139.792.564.049	147.994.063.676
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.147.770.716	1.632.785.155
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16(a)	4.823.875.221	3.660.501.454
Phải trả người lao động	314		25.459.007.367	13.665.069.332
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		299.843.145	311.968.634
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	672.081.138
Phải trả ngắn hạn khác	319	17(a)	9.322.127.619	64.123.144.666
Vay ngắn hạn	320	18	809.228.614.360	924.162.060.381
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		10.621.548.128	6.900.000.000
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	19	1.543.113.795	1.454.913.791
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>25.367.918.006</b>	<b>19.470.362.568</b>
Phải trả dài hạn khác	337	17(b)	25.367.918.006	19.470.362.568
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>	<b>400</b>		<b>715.381.847.342</b>	<b>631.696.472.745</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>20</b>	<b>715.381.847.342</b>	<b>631.696.472.745</b>
Vốn cổ phần	411	21	603.426.380.000	603.426.380.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		603.426.380.000	603.426.380.000
Cổ phiếu quỹ	415	21	(49.700.000)	(49.700.000)
Quỹ đầu tư phát triển	418	22	17.297.458.956	2.011.722.897
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		94.707.708.386	26.308.069.848
- LNST chưa phân phối năm trước	421a		1.222.333.789	-
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		93.485.374.597	26.308.069.848
<b>TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>1.742.988.229.748</b>	<b>1.815.743.423.540</b>

Ngày 15 tháng 3 năm 2017

Người lập:



Phan Quang Thành  
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Đỗ Thị Vân Chi  
Trưởng phòng Kế toán Tài chính



Vũ Hồng Khánh  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này



**Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**

**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**

**Mẫu B 02 – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2016 VND	2015 VND Đã điều chỉnh lại
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	25	1.784.163.277.573	1.949.904.073.848
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	25	1.176.821.386	1.105.984.499
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)</b>	<b>10</b>	<b>25</b>	<b>1.782.986.456.187</b>	<b>1.948.798.089.349</b>
Giá vốn hàng bán	11	26	1.651.260.994.869	1.841.889.686.462
<b>Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>131.725.461.318</b>	<b>106.908.402.887</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	27	120.228.760.684	109.815.077.738
Chi phí tài chính	22	28	46.343.482.553	41.163.004.213
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		45.504.661.550	36.018.101.509
Chi phí bán hàng	25	29	64.539.571.330	47.607.573.958
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	30	45.750.446.872	46.332.705.321
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 25 - 26)</b>	<b>30</b>		<b>95.320.721.247</b>	<b>81.620.197.133</b>
Thu nhập khác	31		5.090.266.627	13.703.277.431
Chi phí khác	32		726.062.772	433.498.983
<b>Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>4.364.203.855</b>	<b>13.269.778.448</b>
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>99.684.925.102</b>	<b>94.889.975.581</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	32	6.197.908.032	7.997.183.358
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	32	1.642.473	243.742.375
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)</b>	<b>60</b>		<b>93.485.374.597</b>	<b>86.649.049.848</b>

Ngày 15 tháng 3 năm 2017

Người lập:



Phan Quang Thành  
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Đỗ Thị Vân Chi  
Trưởng phòng Kế toán Tài chính



Vũ Hồng Khánh  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

**Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**

**(Phương pháp gián tiếp)**

**Mẫu B 03 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>2016 VND</b>	<b>2015 VND</b> <b>Đã điều chỉnh lại</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>99.684.925.102</b>	<b>94.889.975.581</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>			
Khấu hao và phân bổ	02	44.123.659.457	36.324.859.425
Các khoản dự phòng	03	(474.725.322)	(13.237.154.556)
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	100.195.137	730.606.123
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(116.952.877.216)	(109.072.354.771)
Chi phí lãi vay	06	45.504.661.550	36.018.101.509
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>71.985.838.708</b>	<b>45.654.033.311</b>
Biến động các khoản phải thu	09	1.301.738.262	91.969.863.587
Biến động hàng tồn kho	10	23.560.211.137	(11.274.299.045)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	7.913.527.815	79.528.008.525
Biến động chi phí trả trước	12	(7.236.014.382)	(21.887.525.356)
		<b>97.525.301.540</b>	<b>183.990.081.022</b>
Tiền lãi vay đã trả	14	(44.735.445.763)	(36.189.927.276)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(6.208.427.497)	(5.857.206.588)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	8.138.181.563
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(3.463.595.127)	(3.577.343.071)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>43.117.833.153</b>	<b>146.503.785.650</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này*

**Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP****Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016****(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)****Mẫu B 03 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>2016 VND</b>	<b>2015 VND</b> <b>Đã điều chỉnh lại</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(45.042.425.263)	(38.697.740.541)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22	1.232.731.644	5.817.186.297
Tiền gửi có kỳ hạn	23	(323.000.000.000)	(930.000.000.000)
Tiền thu hồi các khoản tiền gửi có kỳ hạn	24	430.000.000.000	872.068.000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(54.500.000.000)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26	-	21.487.557.661
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27	79.651.860.647	57.303.962.739
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>142.842.167.028</b>	<b>(66.521.033.844)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
Tiền thu từ đi vay	33	1.758.672.486.739	1.911.090.417.599
Tiền trả nợ gốc vay	34	(1.873.605.932.760)	(2.054.125.428.449)
Tiền trả cổ tức	36	(60.337.421.640)	(60.338.502.800)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(175.270.867.661)</b>	<b>(203.373.513.650)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>	<b>10.689.132.520</b>	<b>(123.390.761.844)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>42.506.043.552</b>	<b>165.896.805.396</b>
<b>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</b>	<b>61</b>	<b>(73.003)</b>	<b>-</b>
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61) (Thuyết minh 4)</b>	<b>70</b>	<b>53.195.103.069</b>	<b>42.506.043.552</b>

Ngày 15 tháng 3 năm 2017

Người lập:

Phan Quang Thành  
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:

Đỗ Thị Vân Chi  
Trưởng phòng Kế toán Tài chínhVũ Hồng Khánh  
Tổng Giám đốc*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này*

## **Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng đính kèm.

## **1. Đơn vị báo cáo**

### **(a) Hình thức sở hữu vốn**

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP (“Tổng Công ty”) tiền thân là Công ty Gas thuộc Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam (nay là Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam) hoạt động theo Luật Doanh nghiệp Nhà nước, sau đó được chuyển sang hình thức Công ty cổ phần và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp theo Quyết định số 1669/2003/QĐ/BTM ngày 3 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Thương mại (nay là Bộ Công thương). Thời điểm bàn giao sang công ty cổ phần là ngày 1 tháng 1 năm 2004 theo Quyết định phê duyệt số 5786 TC/TCDN ngày 21 tháng 5 năm 2004 của Bộ Tài chính. Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0101447725, đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 22 tháng 2 năm 2016 với số vốn điều lệ là 603.426.380.000 đồng.

Công ty được cấp Giấy phép niêm yết cổ phiếu theo Quyết định số 65/UBCK-GPNY ngày 20 tháng 10 năm 2006 của Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Ngày 24 tháng 11 năm 2006, cổ phiếu của Tổng Công ty chính thức niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là PGC.

Công ty mẹ của Tổng Công ty là Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam, nắm giữ 52,37% vốn điều lệ.

### **(b) Hoạt động chính**

Hoạt động chính của Tổng Công ty bao gồm xuất nhập khẩu và kinh doanh gas hóa lỏng; kinh doanh kho bãi, vận tải, vật tư thiết bị, phụ kiện; tư vấn đầu tư, chuyển giao công nghệ, bảo dưỡng, sửa chữa, lắp đặt và dịch vụ thương mại và dịch vụ có liên quan đến phục vụ kinh doanh gas theo quy định của pháp luật; dịch vụ thương mại; kinh doanh địa ốc và bất động sản; nạp khí dầu mỏ hóa lỏng vào chai (vỏ bình gas); và kiểm định, bảo dưỡng các loại vỏ bình gas.

### **(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

### **(d) Cấu trúc Tổng Công ty**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Tổng Công ty có 6 công ty con (1/1/2016: 6 công ty con) được liệt kê trong thuyết minh số 5(c).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Tổng Công ty có 304 nhân viên (1/1/2016: 311 nhân viên).

## **2. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

### **(a) Tuyên bố về tuân thủ**

Báo cáo tài chính riêng này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Tổng Công ty cũng lập và phát hành riêng rẽ báo cáo tài chính hợp nhất. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty, báo cáo tài chính riêng này cần được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty.

### **(b) Cơ sở đo lường**

Báo cáo tài chính riêng, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

### **(c) Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

### **(d) Đơn vị tiền tệ kế toán**

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tổng Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

## **3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng này.

Những chính sách kế toán được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng này nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng năm gần nhất.

### **(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày phát sinh giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản (đối với các khoản mục tài sản) hoặc bán chuyển khoản (đối với các khoản mục nợ phải trả) của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

**(b) Tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

**(c) Các khoản đầu tư**

**(i) Chứng khoán kinh doanh**

Chứng khoán kinh doanh là các loại chứng khoán được Tổng Công ty nắm giữ vì mục đích kinh doanh, tức là mua vào bán ra để thu lợi nhuận trong thời gian ngắn. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua cộng các chi phí mua. Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập khi giá thị trường của chứng khoán giảm xuống thấp hơn giá trị ghi sổ của chúng. Sau khi khoản dự phòng được lập, nếu giá thị trường của chứng khoán tăng lên thì khoản dự phòng sẽ được hoàn nhập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của chứng khoán kinh doanh không vượt quá giá trị ghi sổ của các chứng khoán này khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

**(ii) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

**(iii) Đầu tư vào công ty con**

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng này, các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Tổng Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

**(d) Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

**(e) Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp nhập trước xuất trước và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

Tổng Công ty áp dụng phương pháp kiểm kê định kỳ để hạch toán hàng tồn kho.

**(f) Tài sản cố định hữu hình**

**(i) Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

**(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ Nhà cửa, vật kiến trúc	15 – 30 năm
▪ Máy móc, thiết bị	6 – 10 năm
▪ Phương tiện vận chuyển	8 – 10 năm
▪ Dụng cụ quản lý	3 – 6 năm

**(g) Tài sản cố định vô hình**

**(i) Quyền sử dụng đất**

Quyền sử dụng đất phản ánh quyền sử dụng đất cho các lô đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trong vòng 50 năm. Không tính khấu hao cho các lô đất mà Tổng Công ty có quyền sử dụng đất vô thời hạn.

**(ii) Phần mềm máy vi tính**

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 4 đến 10 năm.

## Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP

### Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

#### (h) Bất động sản đầu tư

##### *Bất động sản đầu tư cho thuê*

###### *Nguyên giá*

Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư cho thuê bao gồm giá mua, chi phí quyền sử dụng đất và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến bởi ban quản lý. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư cho thuê đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ bất động sản đầu tư cho thuê vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư cho thuê.

###### *Khấu hao*

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- |                          |        |
|--------------------------|--------|
| ▪ Quyền sử dụng đất      | 48 năm |
| ▪ Nhà cửa, vật kiến trúc | 48 năm |

#### (i) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

#### (j) Chi phí trả trước dài hạn

##### (i) *Vỏ bình gas*

Tổng Công ty áp dụng hướng dẫn tại Thông tư 118/2010/TT-BTC ngày 10 tháng 8 năm 2010 của Bộ Tài chính và Công văn hướng dẫn số 7640/CV-BTC ngày 21 tháng 6 năm 2005 và số 7776/BTC-TCT ngày 2 tháng 6 năm 2009 của Bộ Tài chính về việc “Hướng dẫn chế độ tài chính và thuế đối với doanh nghiệp kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng chai” trong việc ghi nhận và phân bổ giá trị vỏ bình gas và các khoản ký quỹ, ký cược vỏ bình gas được nhận. Theo đó, vỏ bình gas được ghi nhận theo giá gốc ban đầu và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian trong vòng từ 5 đến 10 năm.

##### (ii) *Chi phí đất trả trước*

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Tổng Công ty đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất là 488 tháng.



## Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

### (k) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác thể hiện theo giá gốc.

### (l) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tổng Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

### (m) Vốn cổ phần

#### (i) Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

#### (ii) Mua lại và phát hành lại cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu quỹ)

Khi mua lại cổ phiếu đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi thuế, được ghi giảm vào vốn chủ sở hữu. Cổ phiếu đã mua lại được phân loại là cổ phiếu quỹ trong phần vốn chủ sở hữu. Khi cổ phiếu quỹ được bán ra sau đó (phát hành lại), giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Chênh lệch giữa giá trị khoản nhận được và giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được trình bày trong thặng dư vốn cổ phần.

### (n) Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận trước hợp nhất của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

## **Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

#### **(o) Doanh thu và thu nhập khác**

##### **(i) Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu hàng bán được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

##### **(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

##### **(iii) Doanh thu cho thuê**

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

##### **(iv) Doanh thu từ ký cược, ký quỹ vô bình gas**

Doanh thu từ ký cược, ký quỹ vô bình gas được phân bổ từ số tiền ký cược, ký quỹ giá trị vô bình gas nhận được từ khách hàng. Việc kết chuyển tiền nhận ký cược, ký quỹ giá trị vô bình gas của khách hàng vào doanh thu được thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 118/2010/TT-BTC ngày 10 tháng 8 năm 2010 của Bộ Tài chính.

##### **(v) Thu nhập từ tiền lãi**

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

##### **(vi) Thu nhập từ cổ tức**

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

#### **(p) Các khoản thanh toán thuê hoạt động**

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

#### **(q) Chi phí vay**

Chi phí vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh.

**Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016****(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***(r) Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Tổng Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tổng Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan đề cập tới các công ty con của Tổng Công ty, công ty mẹ (Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam) và các công ty con và công ty liên kết của công ty mẹ.

**4. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<b>31/12/2016</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2016</b> <b>VND</b>
Tiền mặt	65.169.153	205.429.457
Tiền gửi ngân hàng	53.129.933.916	42.300.614.095
	<hr/>	<hr/>
	53.195.103.069	42.506.043.552

**5. Các khoản đầu tư tài chính****(a) Chứng khoán kinh doanh**

		<b>31/12/2016 và 1/1/2016</b>		
	<b>Số lượng</b>	<b>Giá gốc</b> <b>VND</b>	<b>Giá trị</b> <b>hợp lý</b> <b>VND</b>	<b>Dự phòng</b> <b>giảm giá</b> <b>VND</b>
Cổ phiếu				
Tổng Công ty Dệt may Hà Nội	100.000	2.610.000.000	(*)	-

**(b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	<b>Giá gốc và giá trị hợp lý</b>	
	<b>31/12/2016</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2016</b> <b>VND</b>
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn		
▪ Tiền gửi có kỳ hạn	700.000.000.000	410.000.000.000
	<hr/>	<hr/>
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn		
▪ Tiền gửi có kỳ hạn	-	397.000.000.000

**Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

		<b>31/12/2016 và 1/1/2016</b>			
		<b>% sở hữu và % quyền biểu quyết</b>	<b>Giá gốc VND</b>	<b>Dự phòng VND</b>	<b>Giá trị hợp lý VND</b>
<b>Đầu tư góp vốn vào công ty con:</b>					
	Thành phố Hồ Chí Minh	100%	70.000.000.000	-	(*)
	Đà Nẵng	100%	40.000.000.000	-	(*)
	Hải Phòng	100%	30.000.000.000	-	(*)
	Hà Nội	100%	20.000.000.000	-	(*)
	Cần Thơ	100%	15.000.000.000	-	(*)
	Thành phố Hồ Chí Minh	51%	11.487.708.826	-	(*)
			<b>186.487.708.826</b>	<b>-</b>	

(\*) Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

**Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016****(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***6. Phải thu ngắn hạn của khách hàng****(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng lớn**

	<b>31/12/2016</b>	<b>1/1/2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công ty TNHH Gas Petrolimex Hải Phòng	58.823.024.354	46.743.253.155
Công ty TNHH Gas Petrolimex Hà Nội	4.987.856.918	7.358.197.209
Công ty TNHH Gas Petrolimex Đà Nẵng	39.062.166.131	33.889.188.822
Công ty TNHH Gas Petrolimex Sài Gòn	5.111.469.980	23.310.760.211
Công ty TNHH Gas Petrolimex Cần Thơ	27.812.889.956	28.294.891.319
Các khách hàng khác	44.392.249.781	41.694.670.034
	<hr/>	<hr/>
	180.189.657.120	181.290.960.750

**(b) Phải thu của khách hàng là bên liên quan**

	<b>31/12/2016</b>	<b>1/1/2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Các công ty con		
Công ty TNHH Gas Petrolimex Hải Phòng	58.823.024.354	46.743.253.155
Công ty TNHH Gas Petrolimex Hà Nội	4.987.856.918	7.358.197.209
Công ty TNHH Gas Petrolimex Đà Nẵng	39.062.166.131	33.889.188.822
Công ty TNHH Gas Petrolimex Sài Gòn	5.111.469.980	23.310.760.211
Công ty TNHH Gas Petrolimex Cần Thơ	27.812.889.956	28.294.891.319
Các công ty liên quan khác trong Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	16.154.697.904	20.610.966.446
	<hr/>	<hr/>
	151.952.105.243	160.207.257.162

Khoản phải thu thương mại từ các công ty con và các công ty liên quan khác trong Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam không có đảm bảo, không chịu lãi và có thời hạn phải thu là 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

**7. Phải thu ngắn hạn khác**

	<b>31/12/2016</b>	<b>1/1/2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lãi tiền gửi	35.578.533.334	23.955.686.110
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	66.786.496.588	41.947.469.767
Phải thu người lao động	629.801.204	602.864.423
Phải thu khác	2.628.311.227	6.356.390.109
	<hr/>	<hr/>
	105.623.142.353	72.862.410.409

**Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTTCP**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**8. Nợ xấu và nợ khó đòi**

	31/12/2016			1/1/2016				
	Số ngày quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Số ngày quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
<b>Nợ quá hạn</b>								
Công ty Cổ phần Bao bì		-	-	(*)	Trên 3 năm	1.211.133.262	(1.211.133.262)	(*)
Kim loại Vinacan Hà Nội					Từ 1 đến 2 năm	223.009.700	(111.504.850)	(*)
Công ty Cổ phần Cửa sổ nhựa	Từ 2	223.009.700	(156.106.790)	(*)		307.825.824	(243.520.989)	(*)
Châu Âu	đến 3 năm	253.345.959	(80.454.142)	(*)				
Khác								
		<u>476.355.659</u>	<u>(236.560.932)</u>			<u>1.741.968.786</u>	<u>(1.566.159.101)</u>	
<i>Trong đó:</i>								
Dự phòng phải thu khó đòi – ngắn hạn			<u>(236.560.932)</u>				<u>(1.566.159.101)</u>	

(\*) Tổng Công ty chưa xác định giá trị có thể thu hồi của các khoản nợ xấu và nợ khó đòi này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng bởi vì Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị có thể thu hồi. Giá trị có thể thu hồi của các khoản nợ xấu và nợ khó đòi này có thể khác với giá trị ghi sổ.

**Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016****(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***9. Hàng tồn kho**

	31/12/2016		1/1/2016	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	19.646.973.898	-	2.874.300.800	-
Nguyên vật liệu	16.626.896.865	(2.102.900.299)	35.624.172.957	(2.111.112.667)
Công cụ và dụng cụ	-	-	242.224.105	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	713.299.119	-	1.434.799.574	-
Hàng hóa	30.424.515.695	-	50.796.399.278	(2.858.462.913)
	<b>67.411.685.577</b>	<b>(2.102.900.299)</b>	<b>90.971.896.714</b>	<b>(4.969.575.580)</b>

Bao gồm trong hàng tồn kho tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 có 3.004 triệu VND nguyên vật liệu (1/1/2016: 19.112 triệu VND nguyên vật liệu và hàng hóa) được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

**Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**10. Tài sản cố định hữu hình**

Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Dụng cụ quản lý VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm	260.684.294.896	139.163.952.348	24.269.781.160	6.164.619.554	430.282.647.958
Tăng trong năm	-	692.091.250	-	344.499.330	1.036.590.580
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh 13)	8.249.775.664	33.841.743.196	14.666.416.486	-	56.757.935.346
Thanh lý	(2.221.377.195)	(755.780.248)	(2.227.023.481)	-	(5.204.180.924)
Số dư cuối năm	266.712.693.365	172.942.006.546	36.709.174.165	6.509.118.884	482.872.992.960
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu năm	93.508.623.471	50.553.024.828	16.187.950.140	4.248.114.059	164.497.712.498
Khấu hao trong năm	14.677.178.767	23.094.041.643	3.006.016.702	1.489.544.323	42.266.781.435
Thanh lý	(1.875.815.556)	(735.983.958)	(2.198.792.290)	-	(4.810.591.804)
Số dư cuối năm	106.309.986.682	72.911.082.513	16.995.174.552	5.737.658.382	201.953.902.129
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số dư đầu năm	167.175.671.425	88.610.927.520	8.081.831.020	1.916.505.495	265.784.935.460
Số dư cuối năm	160.402.706.683	100.030.924.033	19.713.999.613	771.460.502	280.919.090.831

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 có các tài sản có nguyên giá 42.006 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2016: 42.713 triệu VND).



**Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016****(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***11. Tài sản cố định vô hình**

	<b>Quyền sử dụng đất VND</b>	<b>Phần mềm máy vi tính VND</b>	<b>Tổng cộng VND</b>
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu năm	6.988.047.470	10.518.975.636	17.507.023.106
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh 13)	3.588.196.000	-	3.588.196.000
Số dư cuối năm	10.576.243.470	10.518.975.636	21.095.219.106
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu năm	1.933.519.942	8.453.964.826	10.387.484.768
Khấu hao trong năm	113.940.000	871.815.383	985.755.383
Số dư cuối năm	2.047.459.942	9.325.780.209	11.373.240.151
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số dư đầu năm	5.054.527.528	2.065.010.810	7.119.538.338
Số dư cuối năm	8.528.783.528	1.193.195.427	9.721.978.955

**Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**

(tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***12. Bất động sản đầu tư****Bất động sản đầu tư cho thuê**

	<b>Quyền sử dụng đất VND</b>	<b>Nhà cửa, vật kiến trúc VND</b>	<b>Tổng cộng VND</b>
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu năm và cuối năm	6.957.405.470	2.085.759.795	9.043.165.265
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu năm	950.790.001	353.304.059	1.304.094.060
Khấu hao trong năm	139.140.000	43.453.332	182.593.332
Số dư cuối năm	1.089.930.001	396.757.391	1.486.687.392
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số dư đầu năm	6.006.615.469	1.732.455.736	7.739.071.205
Số dư cuối năm	5.867.475.469	1.689.002.404	7.556.477.873

Bất động sản đầu tư bao gồm một phần giá trị quyền sử dụng đất có thời gian khấu hao là 50 năm và giá trị xây lắp đã hoàn thành của cao ốc văn phòng tại địa chỉ 322 Điện Biên Phủ, Thành phố Hồ Chí Minh có thời gian khấu hao trong 48 năm tương ứng với diện tích Tổng Công ty đang cho thuê hoặc nắm giữ để cho thuê.

Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư cho thuê để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng bởi vì không có một giao dịch gần đây trên thị trường cho bất động sản tương tự và nằm cùng địa điểm với bất động sản đầu tư của Tổng Công ty và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá.

**13. Xây dựng cơ bản dở dang**

	<b>2016 VND</b>	<b>2015 VND</b>
		<b>Đã điều chỉnh lại</b>
Số dư đầu năm	19.617.319.537	667.111.466
Tăng trong năm	46.182.537.419	68.695.798.799
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình (Thuyết minh 10)	(56.757.935.346)	(46.448.687.076)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình (Thuyết minh 11)	(3.588.196.000)	-
Xóa sổ	-	(3.296.903.652)
Số dư cuối năm	5.453.725.610	19.617.319.537

**Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016  
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	<b>31/12/2016</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2016</b> <b>VND</b> <b>Đã điều chỉnh lại</b>
Hệ thống nạp gas bình	5.070.999.000	-
Công trình văn phòng Cần Thơ	144.378.182	144.378.182
Công trình văn phòng LPG Hà Nội	238.348.428	-
Công trình mở rộng kho Đình Vũ di dời Thượng Lý	-	11.014.302.863
Công trình bồn LPG Đà Nẵng	-	2.107.660.702
Máy móc chưa lắp đặt	-	5.580.000.000
Khác	-	770.977.790
	<b>5.453.725.610</b>	<b>19.617.319.537</b>

**14. Chi phí trả trước dài hạn**

	<b>Vỏ bình gas</b> <b>VND</b>	<b>Chi phí đất</b> <b>trả trước</b> <b>VND</b>	<b>Khác</b> <b>VND</b>	<b>Tổng cộng</b> <b>VND</b>
Số dư đầu năm	87.855.590.162	19.546.195.189	13.567.253.053	120.969.038.404
Tăng trong năm	21.483.891.105	76.059.375	2.058.024.459	23.617.974.939
Phân bổ trong năm	(15.545.966.391)	(688.529.307)	(831.267.240)	(17.065.762.938)
Số dư cuối năm	93.793.514.876	18.933.725.257	14.794.010.272	127.521.250.405

**15. Phải trả người bán ngắn hạn****(a) Phải trả người bán ngắn hạn chi tiết theo nhà cung cấp lớn**

	<b>Giá gốc và số có khả năng trả nợ</b> <b>31/12/2016</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2016</b> <b>VND</b>
Chi nhánh Tổng Công ty Khí Việt Nam – Công ty Kinh doanh Sản phẩm Khí	21.281.227.243	53.150.450.775
Công ty TNHH EI Corporation	38.860.881.275	64.072.648.489
PTT International Trading PTE Ltd	33.428.547.027	-
SK Gas Co., Ltd	27.215.846.715	-
Các nhà cung cấp khác	19.006.061.789	30.770.964.412
	<b>139.792.564.049</b>	<b>147.994.063.676</b>

**Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**

(tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***(b) Phải trả người bán là các bên liên quan**

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Công ty con		
Công ty TNHH Cơ khí Gas PMG	5.727.957.268	4.990.838.268

Khoản phải trả người bán cho công ty con không có đảm bảo, không chịu lãi và có thời hạn phải thu là 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

**16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước****(a) Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	1/1/2016 VND	Số phát sinh trong năm VND	Số đã bù trừ/nộp trong năm VND	31/12/2016 VND
	<b>Đã điều chỉnh lại</b>			
Thuế giá trị gia tăng	149.921.596	400.186.926.422	(398.918.709.057)	1.418.138.961
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.416.255.725	6.197.908.032	(6.208.427.497)	3.405.736.260
Thuế thu nhập cá nhân	94.324.133	-	(94.324.133)	-
Thuế khác	-	108.562.135	(108.562.135)	-
	3.660.501.454	406.493.396.589	(405.330.022.822)	4.823.875.221

**(b) Thuế và các khoản phải thu Nhà nước**

	1/1/2016 VND	Số phát sinh trong năm VND	Số đã nộp trong năm VND	31/12/2016 VND
Thuế thu nhập cá nhân	-	(3.011.230.237)	3.467.518.091	456.287.854
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	(79.640.859.943)	80.306.046.939	665.186.996
Thuế xuất nhập khẩu	-	(37.945.906.970)	38.262.662.683	316.755.713
	-	(120.597.997.150)	122.036.227.713	1.438.230.563

**Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016****(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***17. Phải trả khác****(a) Phải trả ngắn hạn khác**

	<b>31/12/2016</b>	<b>1/1/2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Kinh phí công đoàn và bảo hiểm	625.390.277	567.340.623
Cổ tức phải trả	287.164.820	60.624.586.460
Chi phí thuê dùng chung kho bãi	5.996.686.954	-
Lãi vay	769.215.787	-
Khác	1.643.669.781	2.931.217.583
	<hr/>	<hr/>
	9.322.127.619	64.123.144.666
	<hr/>	<hr/>

**(b) Phải trả dài hạn khác**

Phải trả dài hạn khác phản ánh số tiền ký quỹ, ký cược giá trị vỏ bình gas nhận được từ khách hàng. Việc kết chuyển tiền nhận ký cược, ký quỹ giá trị vỏ bình gas của khách hàng vào doanh thu được thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 118/2010/TT-BTC ngày 10 tháng 8 năm 2010 của Bộ Tài chính.

**18. Vay ngắn hạn**

	<b>1/1/2016</b>	<b>Biến động trong năm</b>		<b>31/12/2016</b>
	<b>Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND</b>	<b>Tăng VND</b>	<b>Giảm VND</b>	<b>Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND</b>
Vay ngắn hạn	924.162.060.381	1.758.672.486.739	(1.873.605.932.760)	809.228.614.360
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>

**Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016****(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (i)	VND	85.382.360.042	82.014.009.427
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (ii)	VND	148.483.479.605	140.177.681.147
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (iii)	VND	261.945.043.934	200.419.590.420
Ngân hàng TMCP Quân đội (iv)	VND	56.957.033.131	148.181.164.015
Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex (v)	VND	104.650.146.128	250.020.251.085
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	VND	-	103.349.364.287
Ngân hàng TNHH Một Thành Viên HSBC (Việt Nam) (vi)	VND	151.810.551.520	-
		809.228.614.360	924.162.060.381

- (i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2016/1230718/HĐTD ký ngày 26 tháng 5 năm 2016. Mục đích sử dụng khoản vay này là bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Lãi cho vay được xác định trong từng Hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ. Tiền lãi sẽ được thanh toán vào cuối kỳ trên cơ sở định kỳ hàng tháng bằng cách khấu trừ vào tài khoản tiền gửi thanh toán của bên vay mở tại ngân hàng. Khoản vay này được đảm bảo theo hình thức tín chấp.
- (ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Đa theo Hợp đồng tín dụng số 162/2016-HĐTDHM/NHCT126 ký ngày 19 tháng 10 năm 2016. Khoản vay này có thể giải ngân bằng Đồng Việt Nam (“VND”) hoặc Đô la Mỹ (“USD”). Mục đích sử dụng của khoản vay này là bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh. Lãi cho vay áp dụng quy định trên từng Giấy nhận nợ. Lãi thanh toán vào ngày 25 hàng tháng. Gốc trả được quy định trên từng giấy nhận nợ. Khoản vay được đảm bảo theo hình thức tín chấp.
- (iii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam theo Hợp đồng số KHPGC160108/HĐCTD.VCB ký ngày 1 tháng 12 năm 2016. Khoản vay này có thể giải ngân bằng VND hoặc USD. Mục đích sử dụng của khoản vay này là bổ sung vốn lưu động, tài trợ thương mại và các mục đích khác không trái với quy định của pháp luật. Lãi cho vay áp dụng theo từng thời kỳ và ghi trên từng giấy nhận nợ. Lãi trả vào ngày 25 hàng tháng. Thời hạn cấp tín dụng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực cho tới hết ngày 1 tháng 12 năm 2017. Khoản vay được đảm bảo theo hình thức tín chấp.
- (iv) Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân đội theo Phụ lục số 9877.15.057.747309.TD.PL01 ngày 5 tháng 4 năm 2016 của Hợp đồng số 9877.15.057.747309.TD ký ngày 30 tháng 10 năm 2015. Mục đích của khoản vay là bổ sung vốn lưu động, mở L/C, phát hành bảo lãnh thanh toán phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh khí hóa lỏng và các mục đích khác nếu được Ngân hàng chấp thuận bằng văn bản trước thời điểm giải ngân của khoản vay hoặc mở thư tín dụng L/C có liên quan. Lãi cho vay và thời gian trả gốc áp dụng theo từng thời kỳ và ghi trên từng giấy nhận nợ, ngày trả lãi là ngày 27 hàng tháng. Khoản vay được đảm bảo theo hình thức tín chấp.

## Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

(tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

- (v) Khoản vay Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex - Hội sở chính theo Hợp đồng số 108.1465/2016/HĐTDHM-DN/PGBankHN ký ngày 23 tháng 3 năm 2016. Mục đích của khoản vay là bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Lãi cho vay áp dụng theo từng thời kỳ và ghi trên từng giấy nhận nợ. Khoản vay được đảm bảo theo hình thức tín chấp.
- (vi) Khoản vay Ngân hàng TNHH Một Thành Viên HSBC (Việt Nam) - Chi nhánh Hà Nội theo Hợp đồng số VHN 150784 ký ngày 7 tháng 4 năm 2015. Mục đích của khoản vay là bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Lãi cho vay áp dụng theo từng thời kỳ và ghi trên từng giấy nhận nợ. Khoản vay được đảm bảo theo hình thức tín chấp.

### 19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Tổng Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Tổng Công ty. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	<b>2016</b>	<b>2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Số dư đầu năm	1.454.913.791	1.387.782.969
Trích lập trong năm (Thuyết minh 20)	9.800.000.000	10.555.700.000
Sử dụng trong năm	(9.711.799.996)	(10.488.569.178)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	1.543.113.795	1.454.913.791

**Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**20. Thay đổi vốn chủ sở hữu**

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
<b>Số dư ngày 1/1/2015</b>	502.875.030.000	7.302.550.000	(49.700.000)	81.351.082.553	24.465.140.344	615.944.102.897
Tăng vốn trong năm	-	-	-	(93.248.800.000)	-	-
Lợi nhuận thuần trong năm	-	(7.302.550.000)	-	-	85.426.716.059	85.426.716.059
Phân bổ vào các quỹ	-	-	-	13.909.440.344	(13.909.440.344)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 19)	-	-	-	-	(10.555.700.000)	(10.555.700.000)
Cò tức (Thuyết minh 23)	-	-	-	-	(60.340.980.000)	(60.340.980.000)
<b>Số dư ngày 1/1/2016 - đã báo cáo trước đây</b>	603.426.380.000	-	(49.700.000)	2.011.722.897	25.085.736.059	630.474.138.956
<i>Điều chỉnh theo báo cáo của Kiểm toán Nhà nước (Thuyết minh 36)</i>	-	-	-	-	1.222.333.789	1.222.333.789
<b>Số dư tại ngày 1/1/2016 - đã điều chỉnh lại</b>	603.426.380.000	-	(49.700.000)	2.011.722.897	26.308.069.848	631.696.472.745
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	93.485.374.597	93.485.374.597
Phân bổ vào các quỹ	-	-	-	15.285.736.059	(15.285.736.059)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 19)	-	-	-	-	(9.800.000.000)	(9.800.000.000)
<b>Số dư tại ngày 31/12/2016</b>	603.426.380.000	-	(49.700.000)	17.297.458.956	94.707.708.386	715.381.847.342



**Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016****(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***21. Vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	1/1/2016 và 31/12/2016	
	Số cổ phiếu	VND
<b>Vốn cổ phần được duyệt</b>	60.342.638	603.426.380.000
<b>Vốn cổ phần đã phát hành</b> Cổ phiếu phổ thông	60.342.638	603.426.380.000
<b>Cổ phiếu quỹ</b> Cổ phiếu phổ thông	(3.353)	(49.700.000)
<b>Số cổ phiếu đang lưu hành</b> Cổ phiếu phổ thông	60.339.285	603.376.680.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Tổng Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Tổng Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Tổng Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Tổng Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Biến động vốn cổ phần trong năm như sau:

	2016		2015	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Số dư đầu năm	60.342.638	603.426.380.000	50.287.503	502.875.030.000
Cổ phiếu phát hành trong năm	-	-	10.055.135	100.551.350.000
Số dư cuối năm	60.342.638	603.426.380.000	60.342.638	603.426.380.000

**22. Quỹ đầu tư phát triển**

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

**23. Cổ tức**

Tại cuộc họp ngày 14 tháng 4 năm 2016, Đại hội đồng Cổ đông của Tổng Công ty đã phê duyệt việc phân phối khoản cổ tức 60.341 triệu VND (2015: 60.341 triệu VND). Khoản cổ tức này đã được tạm ứng cho các cổ đông của Tổng Công ty theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị số 45/NQ-CHP ngày 26 tháng 11 năm 2015.

**Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**

(tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***24. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán****(a) Hàng hóa nhận giữ hộ bên thứ ba**

	<b>31/12/2016</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2016</b> <b>VND</b>
Gas giữ hộ bên thứ ba	404.739.929	496.400.000

**(b) Ngoại tệ các loại**

	<b>31/12/2016</b>		<b>1/1/2016</b>	
	<b>Nguyên tệ</b>	<b>Tương đương VND</b>	<b>Nguyên tệ</b>	<b>Tương đương VND</b>
Đô la Mỹ (“USD”)	447,86	10.206.730	447,86	10.054.458
Euro (“EUR”)	190,85	4.530.206	201,77	4.887.190
		<u>14.736.936</u>		<u>14.941.648</u>

**25. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	<b>2016</b> <b>VND</b>	<b>2015</b> <b>VND</b>
Tổng doanh thu		
▪ Bán hàng	1.763.728.406.181	1.931.545.838.883
▪ Cung cấp dịch vụ	10.562.845.342	10.318.638.140
▪ Cho thuê bất động sản đầu tư	3.518.773.774	3.387.070.227
▪ Phân bổ tiền ký cược, ký quỹ vỏ bình gas	6.353.252.276	4.652.526.598
	<u>1.784.163.277.573</u>	<u>1.949.904.073.848</u>
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Hàng bán bị trả lại	(1.176.821.386)	(1.105.984.499)
Doanh thu thuần	<u>1.782.986.456.187</u>	<u>1.948.798.089.349</u>

**Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**

(tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***26. Giá vốn hàng bán**

	<b>2016</b> <b>VND</b>	<b>2015</b> <b>VND</b>
Tổng giá vốn hàng bán của:		
▪ Bán hàng hóa	1.642.886.911.157	1.827.878.430.699
▪ Cung cấp dịch vụ	8.909.464.595	8.860.672.693
▪ Chi phí kinh doanh bất động sản đầu tư cho thuê	2.331.294.398	2.907.549.892
▪ Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(2.866.675.281)	2.243.033.178
	<hr/> 1.651.260.994.869	<hr/> 1.841.889.686.462 <hr/>

**27. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<b>2016</b> <b>VND</b>	<b>2015</b> <b>VND</b>
Lãi tiền gửi	48.798.260.335	46.384.833.895
Cổ tức được chia	67.315.474.357	60.762.582.395
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	5.786.250
Lãi bán hàng trả chậm	4.115.025.992	1.551.657.724
Lãi từ thanh lý các khoản đầu tư tài chính	-	1.110.217.474
	<hr/> 120.228.760.684	<hr/> 109.815.077.738 <hr/>

**28. Chi phí tài chính**

	<b>2016</b> <b>VND</b>	<b>2015</b> <b>VND</b> <b>Đã điều chỉnh lại</b>
Chi phí lãi vay	45.504.661.550	36.018.101.509
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	738.625.866	11.008.768.401
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	100.195.137	730.606.123
Lãi bán hàng trả chậm	-	2.115.250.224
Hoàn nhập dự phòng giảm giá khoản đầu tư	-	(8.731.305.687)
Chi phí tài chính khác	-	21.583.643
	<hr/> 46.343.482.553	<hr/> 41.163.004.213 <hr/>

**Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**

(tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***29. Chi phí bán hàng**

	<b>2016</b> <b>VND</b>	<b>2015</b> <b>VND</b> <b>Đã điều chỉnh lại</b>
Chi phí nhân viên	20.573.051.758	10.550.522.376
Chi phí phân bổ vỏ bình gas	15.545.966.391	9.754.354.365
Chi phí dịch vụ mua ngoài	23.726.318.735	26.348.896.295
Chi phí khác	4.694.234.446	953.800.922
	<hr/> 64.539.571.330	<hr/> 47.607.573.958 <hr/>

**30. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<b>2016</b> <b>VND</b>	<b>2015</b> <b>VND</b>
Chi phí nhân viên	27.707.660.018	16.377.611.700
Chi phí khấu hao	4.014.225.664	6.876.483.330
Dự phòng phải thu khó đòi	(1.329.598.169)	151.117.953
Chi phí dịch vụ mua ngoài	14.209.411.947	17.222.195.088
Chi phí khác	1.148.747.412	5.705.297.250
	<hr/> 45.750.446.872	<hr/> 46.332.705.321 <hr/>

**31. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố**

	<b>2016</b> <b>VND</b>	<b>2015</b> <b>VND</b>
Chi phí mua hàng hóa để bán lại	32.086.057.020	23.140.578.896
Chi phí nhân viên	69.309.645.964	55.750.180.330
Chi phí khấu hao	44.123.659.457	36.324.859.425
Chi phí dịch vụ mua ngoài	75.353.570.606	88.959.322.231
Chi phí khác	27.999.716.396	9.959.613.548
	<hr/>	<hr/>

**Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

(tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***32. Thuế thu nhập doanh nghiệp****(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng**

	2016 VND	2015 VND Đã điều chỉnh lại
<b>Chi phí thuế hiện hành</b>		
Năm hiện hành	6.588.173.048	7.602.795.366
Dự phòng (thừa)/thiếu trong những năm trước	(390.265.016)	394.387.992
	6.197.908.032	7.997.183.358
<b>Chi phí thuế thu nhập hoãn lại</b>		
Phát sinh các chênh lệch tạm thời	1.642.473	243.742.375
	6.199.550.505	8.240.925.733

**(b) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	2016 VND	2015 VND Đã điều chỉnh lại
Lợi nhuận kế toán trước thuế	99.684.925.102	94.889.975.581
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	19.936.985.020	20.875.794.628
Chi phí không được khấu trừ thuế	115.925.372	338.511.240
Thu nhập không bị tính thuế	(13.463.094.871)	(13.367.768.127)
Dự phòng (thừa)/thiếu trong những năm trước	(390.265.016)	394.387.992
	6.199.550.505	8.240.925.733

**(c) Thuế suất áp dụng**

Tổng Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% (2015: 22%) trên lợi nhuận tính thuế.

**Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016****(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***33. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng, trong năm Tổng Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	2016 VND	2015 VND
<b>Công ty con</b>		
<i>Công ty TNHH Gas Petrolimex Hà Nội</i> Bán hàng hóa	186.216.723.661	202.014.586.760
<i>Công ty TNHH Gas Petrolimex Sài Gòn</i> Bán hàng hóa	391.453.886.293	464.947.751.816
<i>Công ty TNHH Gas Petrolimex Đà Nẵng</i> Bán hàng hóa	300.631.456.053	308.421.653.186
<i>Công ty TNHH Gas Petrolimex Cần Thơ</i> Bán hàng hóa	132.407.308.471	135.348.665.970
<i>Công ty TNHH Gas Petrolimex Hải Phòng</i> Bán hàng hóa	333.782.852.832	352.282.762.936
<b>Các công ty liên quan khác trong Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam</b> Bán hàng hóa	196.078.259.725	186.111.168.432

**34. Các giao dịch phi tiền tệ từ hoạt động đầu tư**

	2016 VND	2015 VND
Nguyên giá tài sản cố định mua trong năm chưa thanh toán	1.438.533.638	4.424.950.375

**Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**

(tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***35. Sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm****Cổ tức công bố sau khi kết thúc kỳ kế toán năm**

Sau khi kết thúc kỳ kế toán năm, tại cuộc họp ngày 24 tháng 2 năm 2017, Hội đồng Quản trị của Tổng Công ty đã quyết định tạm ứng cổ tức năm 2016 bằng tiền mặt tương ứng 12% vốn cổ phần (1.200 VND trên một cổ phiếu). Số cổ tức phải trả chưa được phản ánh trong báo cáo tài chính riêng này.

**36. Số liệu so sánh**

Ngày 26 tháng 9 năm 2016, Kiểm toán Nhà nước đã công bố kết quả kiểm toán báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty cho năm 2015, bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và báo cáo kết quả kinh doanh cho năm kết thúc cùng ngày. Báo cáo của Kiểm toán Nhà nước có nêu một số khác biệt so với số liệu trên báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán bởi kiểm toán độc lập của Tổng Công ty. Tổng Công ty đã thực hiện điều chỉnh lại một số khoản mục trên báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 theo báo cáo kiểm toán của Kiểm toán Nhà nước. Bảng so sánh số liệu đã trình bày trong năm trước, trước và sau khi được điều chỉnh lại như sau:

**(a) Bảng cân đối kế toán riêng**

	<b>Theo báo cáo trước đây VND</b>	<b>1/1/2016 Điều chỉnh của Kiểm toán Nhà nước VND</b>	<b>Đã điều chỉnh theo Kiểm toán Nhà nước VND</b>
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	(1.610.000.000)	1.610.000.000	-
Trả trước cho người bán ngắn hạn	14.233.078.772	(6.138.000.000)	8.095.078.772
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	8.220.804.132	558.000.000	8.778.804.132
Xây dựng cơ bản dở dang	14.037.319.537	5.580.000.000	19.617.319.537
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	744.222.533	(322.000.000)	422.222.533
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	3.594.835.243	65.666.211	3.660.501.454
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	25.085.736.059	1.222.333.789	26.308.069.848

